

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 58/2021/DS-PT

Ngày 14-4-2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết.

Các thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và ông Hoàng Kim Khánh.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 04/TLPT - DS ngày 05/01/2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hạt giống cây trồng”. Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 02/2020/DSST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2021/DS-PT, ngày 24/2/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Quyết định hoãn phiên tòa số 39/2021/DS-PT ngày 15/3/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Thanh D, sinh năm 1964 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Đặng Thị G, sinh năm 1964 - có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Văn Thị B, sinh năm 1967 – có mặt.

Địa chỉ: Thôn 2, xã CM, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn:

Ông Đỗ Đức N, sinh năm: 1960 - có mặt.

Bà Nguyễn Bích T, sinh năm: 1978 - vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 6, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Quang V, sinh năm 1961; địa chỉ: Số nhà 47 HV, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk – vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1961; địa chỉ: Quầy sạp số 170, khu chợ C, Chợ trung tâm thành phố BMT, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

Người kháng cáo: Ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, các đồng nguyên đơn trình bày:**

Nguyên đơn ông Huỳnh Thanh D trình bày:

Vào ngày 06/7/2016 ông có mua hạt giống củ đậu (sắn) của vợ chồng ông Đỗ Đức N và bà Nguyễn Bích T, số lượng 21 kg với giá 514.000đ/1kg, thành tiền là 10.794.000 đồng. Khi mua ông N, bà T có cam kết với ông là bán giống 03 tháng (tức là từ khi gieo trồng đến khi thu hoạch là 03 tháng), giống đảm bảo chất lượng nếu sai thì ông N phải chịu trách nhiệm (chỉ thỏa thuận miệng). Tuy nhiên, sau khi trồng được khoảng hơn 02 tháng kiểm tra thì phát hiện cây to mập hơn bình thường, ít hoa, khi nhổ cây lên thì củ nhỏ, ít củ. Ngày 23/9/2016 ông và ba hộ mua hạt giống của ông N cùng với ông N đi kiểm tra thực địa thì ông N thừa nhận đây là giống 06 tháng, sau khi kiểm tra các bên về nhà ông Trần Quang V lập biên bản, ông N cũng xác nhận là giống củ đậu 06 tháng. Sau đó ông N cùng với ba hộ đề nghị Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm khuyến nông huyện E tiến hành kiểm tra thực địa ruộng củ đậu thì xác định “củ nhỏ, dài, có dạng hình chóp, da củ sần sùi, phát triển không bình thường, củ nặng khoảng 10 – 100 gram”.

Do cây củ đậu không cho củ, không đạt chất lượng nên phải nhổ bỏ hoàn toàn, vì vậy ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T phải bồi thường chi phí do bán giống củ đậu không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại kinh tế cho ông với tổng số tiền 90.114.000 đồng, bao gồm các khoản sau: Tiền thuê đất 0,8 ha: 4.000.000 đồng; tiền hạt giống 10.794.000 đồng; tiền thuê cày đất 02 đợt = 2.800.000 đồng; tiền mua vôi 08 bao x 40.000đ/ bao = 320.000 đồng; tiền phân các loại: 34 bao = 11.350.000 đồng; tiền thuê người làm công: 325 công x 150.000đ/1 công = 48.750.000 đồng; tiền công phun thuốc, tiền thuốc là 9.000.000 đồng; tiền mua rơm, thuê chở và công lấy rơm: 3.100.000 đồng. Ông D chỉ yêu cầu ông N, bà T bồi thường 80% trong tổng thiệt hại đã kê trên cụ thể là: 90.114.000đ x 80% = 72.091.000 đồng.

Nguyên đơn bà Đặng Thị G trình bày:

Vào ngày 15/7/2016, bà G có mua hạt giống củ đậu của ông Đỗ Đức N và bà Nguyễn Bích T với số lượng 30kg với giá 430.000đ/1kg, thành tiền là 12.900.000 đồng. Khi mua ông N có cam kết với bà G như trường hợp của ông D và cây củ đậu cũng không cho thu hoạch nên phải nhổ bỏ hoàn toàn. Vì vậy, bà G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N, bà T phải bồi thường toàn bộ chi phí do bán giống củ đậu không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại kinh tế cho bà với tổng

số tiền 165.901.000 đồng, bao gồm các khoản sau: Tiền thuê đất 1,5 ha: 10.000.000 đồng; tiền hạt giống 12.900.000 đồng; tiền thuê cày đất 03 đợt 6.000.000 đồng; tiền mua vôi 15 bao x 40.000đ/ bao = 600.000 đồng; tiền phân các loại: 67 bao = 24.501.000 đồng; tiền thuê người làm công: 557 công x 150.000đ/1 công = 83.000.000 đồng; tiền công phun thuốc 10 lần x 2.000.000đ/lần = 20.000.000 đồng; tiền mua rơm, thuê chở và công lấy rơm: 8.900.000 đồng. Tại phiên tòa bà G chỉ yêu cầu ông N, bà T bồi thường 70% trong tổng thiệt hại là: 165.901.000đ x 70% = 116.130.000 đồng.

Ngoài ra có bà Văn Thị B yêu cầu ông N, bà T bồi thường số tiền là: 56.946.000đ x 80% = 45.556.000 đồng. Cấp sơ thẩm tuyên bác đơn khởi kiện nhưng bà B không kháng cáo.

*** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Đỗ Đức N trình bày:**

Ông N thừa nhận vợ chồng ông có bán hạt giống củ đậu cho ông D, bà G và bà B về số lượng như lời trình bày của các hộ dân trên là đúng. Tuy nhiên về số tiền bán hạt giống chỉ có 350.000đ/kg chứ không phải như lời khai của các nguyên đơn đã trình bày. Khi bán hạt giống không có bao bì nhãn mác, không có chỉ dẫn quy cách trồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng là hạt giống củ đậu 03 tháng trồng mùa mưa. Nguồn gốc giống là ông đã mua của ông Trần Quang V sau đó về bán lại cho ông D, bà G, ông Hoà và bà B. Sau khi trồng được hơn 02 tháng nhưng không cho thu hoạch được thì các hộ dân có báo cho vợ chồng ông biết và ông đã báo lại cho ông V biết sự việc trên, và ông V đã ủy quyền cho ông xuống nơi trồng củ đậu để xem xét thực tế. Ngày 23/9/2016, sau khi đi kiểm tra ruộng củ đậu, ông N cùng các hộ dân về tại nhà ông V để họp và lập biên bản, ông không nói là giống 06 tháng và cũng không chấp nhận nội dung biên bản lập ngày 23/9/2016 có chữ 06 tháng vì đây là bản phô tô không được công chứng, cũng như không phải là bản gốc. Việc ông D, bà G và bà B trồng củ đậu hơn 03 tháng mà không cho thu hoạch là lỗi thuộc về các hộ dân do quy trình gieo trồng không đúng thời vụ, lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật, phun thuốc kích thích... Mặt khác, cùng loại hạt giống đó ở vụ trước gia đình bà G đã mua giống của ông trồng thì củ đậu cho năng suất cao nên bà G đã giới thiệu cho bà B, ông D, ông Hoà cùng mua. Nay ông D, bà G và bà B yêu cầu ông phải bồi thường thiệt hại thì ông không đồng ý bồi thường.

Bị đơn bà Nguyễn Bích T trình bày: Bà đồng ý như ý kiến của ông N. Bà không thay đổi hay bổ sung thêm gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST ngày 25/ 11/2020 Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 11; Điều 364; Điều 430; Điều 432; Điều 445; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Bác đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G và bà Văn Thị B về việc buộc ông Đỗ Đức N, bà Nguyễn Bích T phải bồi thường toàn bộ các chi phí trồng củ đậu do bán giống củ đậu không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại kinh tế đến gia đình các nguyên đơn.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/12/2020, các nguyên đơn ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông Huỳnh Thanh D đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn khởi kiện buộc bị đơn ông N, bà T bồi thường cho ông số tiền là 72.091.000 đồng. Bà Đặng Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận đơn khởi kiện của bà G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm khẳng định Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 - Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2020/DS-ST ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người đại diện ủy quyền của ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G làm trong hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các bên đương sự đều thừa nhận vào tháng 7/2016, ông Đỗ Đức N và bà Nguyễn Bích T có bán cho ông D, bà G hạt giống củ đậu rời, không có nhãn mác bao bì, không có hướng dẫn quy cách và thời gian trồng cụ thể. Ông N đã bán cho bà G 30kg với giá 430.000đ/01 kg, thành tiền là 12.900.000đ; bán cho ông D 21 kg với giá 514.000đ/01kg, thành tiền là 10.794.000 đồng và bán cho bà B 21kg. Khi bán thì ông N, bà T cam kết thỏa thuận cam kết bằng miệng với người mua là giống đảm bảo chất lượng, giống 03 tháng. Sau khi mua giống các hộ dân đã thực hiện gieo trồng. Tuy nhiên sau khi trồng khoảng hơn 02 tháng thì cây phát triển không bình thường, ra lá nhiều, ít hoa, củ nhỏ da sần sùi nên ông D đã làm đơn yêu cầu buộc ông N, bà T bồi thường 80% trong tổng thiệt hại đã kê khai trên cụ thể là: 90.114.000đ x 80% = 72.091.000 đồng. Bà G yêu cầu ông N, bà T bồi thường 70% trong tổng thiệt hại đã kê khai trên cụ thể là: 165.901.000đ x 70% =

116.130.000 đồng. Bà B yêu cầu ông N, bà T bồi thường số tiền là: $56.946.000 \times 80\% = 45.556.000$ đồng.

[2.2] Xét kháng cáo của ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G, xét thấy:

Việc ông N, bà T bán giống cho ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G và một số người khác là do họ có nhu cầu nhờ ông N lấy hạt giống về bán cho họ. Người mua đều biết hạt giống không có bao bì nhãn mác, không có hướng dẫn về quy trình, thời gian chăm sóc cây củ đậu, không có địa chỉ đơn vị cung cấp mà chỉ là hạt giống trôi nổi trên thị trường nhưng ông D, bà G và một số người vẫn chấp nhận mua nên có thể xảy ra rủi ro. Sau khi gieo trồng thấy cây củ đậu phát triển không bình thường, không cho thu hoạch, người trồng đã đề nghị người bán và các cơ quan liên quan đến cây trồng xuống thực tế để xem xét, kiểm tra. Tại biên bản kiểm tra ruộng trồng củ đậu ngày 16/11/2016 của Phòng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, Trạm Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Trạm Khuyến nông huyện E, đại diện Ủy ban nhân dân xã CM và đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn E đã kết luận: Ruộng củ đậu của các hộ dân đã đến giai đoạn thu hoạch (thường từ khi gieo trồng đến thu hoạch khoảng 3 – 4 tháng), nhưng khi kiểm tra ruộng củ đậu của các hộ dân thì thấy thân cây to, mập và cao hơn cây củ đậu bình thường, số cây được nhổ lên qua quan sát phân lớn củ nhỏ, dài, có dạng hình chóp, da củ sần sùi, phát triển không bình thường củ nặng khoảng 10 – 100 gram. Quan sát bằng mắt thường thực tế tại ruộng, để xác định tính đúng đắn về chất lượng giống cũng như chất lượng giống củ đậu thì cần phải có cơ quan chức năng, có thẩm quyền để kiểm tra, kiểm định về chất lượng.

Theo Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện E xác nhận thì huyện không có kế hoạch, định hướng phát triển cây củ đậu trên địa bàn nên không có tập huấn, tuyên truyền, khuyến khích cho nông dân việc trồng cây củ đậu.

Về quy trình trồng, chăm sóc cây củ đậu: Không có cơ quan chuyên môn nào giám định, xác nhận các hộ trồng cây củ đậu có làm đúng quy trình hay không. Về điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và việc trồng chậm hơn so với thời vụ 1,5 tháng có ảnh hưởng tới kết quả hay không. Việc trồng không đúng thời vụ có ảnh hưởng đến sản lượng hay không thì cũng không có cơ sở để kết luận. Mặt khác, trong quá trình khởi kiện hạt giống không còn nên không thể giám định hay xác định được hạt giống củ đậu có bảo đảm chất lượng hay không, giống 03 tháng hay là giống 06 tháng. Quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các quy định của pháp luật để xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ, các nguyên đơn cũng đã cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án để chứng minh cho yêu cầu của mình nhưng vẫn không thể xác định nguyên nhân nào dẫn đến cây củ đậu phát triển không bình thường, không cho thu hoạch nên không đủ cơ sở để xác định lỗi trong vụ án thuộc về ai (bên bán hạt giống hay bên mua). Cấp sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện của các nguyên đơn là có căn cứ.

Như vậy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G.

[3] Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Vì yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G không được chấp nhận nên ông D, bà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Huỳnh Thanh D và bà Đặng Thị G, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 02/2020/DS-ST, ngày 25/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

- Áp dụng: Điều 11; Điều 364; Điều 430; Điều 432; Điều 445; khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận đơn khởi kiện của các đồng nguyên đơn ông Huỳnh Thanh D, bà Đặng Thị G và bà Văn Thị B về việc buộc ông Đỗ Đức N, bà Nguyễn Bích T phải bồi thường toàn bộ các chi phí trồng củ đậu do bán giống củ đậu không đảm bảo chất lượng làm thiệt hại kinh tế đến gia đình các nguyên đơn.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Thanh D phải chịu 3.604.000 đồng (Ba triệu sáu trăm lẻ bốn ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 2.253.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ba ngàn đồng) đã nộp theo biên lai số 0040630, ngày 30/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Ông Huỳnh Thanh D còn phải chịu 1.351.000đ (Một triệu ba trăm năm mươi một ngàn đồng).

- Bà Đặng Thị G phải chịu 5.806.000đ (Năm triệu tám trăm lẻ sáu ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 4.282.525đ (Bốn triệu hai trăm tám mươi hai ngàn năm trăm hai lăm đồng) đã nộp theo biên lai số 0040628, ngày 30/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Bà Đặng Thị G còn phải chịu 1.523.475đ (Một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bảy mươi lăm đồng).

- Bà Văn Thị B phải chịu 2.277.000đ (Hai triệu hai trăm bảy mươi bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.559.250đ (Một triệu năm trăm năm mươi chín ngàn hai trăm năm mươi đồng) đã nộp theo biên lai số 0040631, ngày 30/12/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E. Bà

Văn Thị B còn phải chịu 717.750đ (Bảy trăm mười bảy ngàn, bảy trăm năm mươi đồng).

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Thanh D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm; được khấu trừ số tiền 300.000 đồng ông Huỳnh Thanh D đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012039, ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Đặng Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng bà Đặng Thị G đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012040, ngày 11/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện E;
- (đã ký)
- Chi cục THADS huyện E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Tuyết